

Bản án số: **02/2022/KDTM-PT**

Ngày: 29/4/2022.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Hưng.

Các thẩm phán: Ông Vũ Thành Long và ông Nguyễn Duy Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Nguyễn Hoàng Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2022/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam; Trụ sở tại số 02 đường Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do ông Tiết Văn Thành, chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là đại diện theo pháp luật. Ủy quyền cho ông Nguyễn Hoài Lam, chức vụ Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Hưng Yên; Ông Nguyễn Hoài Lam ủy quyền lại cho bà Hoàng Thị Thu Hà - Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Hưng Yên (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phương Văn T**, sinh năm 1962 và bà **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác: P), sinh năm 1971; đều cùng HKTT: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (có mặt ông T, vắng mặt bà B).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phương Văn H1, sinh năm 1992; HKTT: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

- Anh Phương Văn H2, sinh năm 1997; HKTT: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

- Chị Phương Thị N, sinh năm 1991; HKTT: Số 9/206 đường P, tổ 3, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh ông Phương Văn T và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác P) đã làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Hưng Yên (gọi tắt là Ngân hàng) từ năm 2017, theo Hợp đồng tín dụng số 2401- LAV - 201702596, ngày 28/12/2017 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000 đồng; thời hạn của hạn mức là 12 tháng, kể từ ngày 28/12/2017 đến 28/12/2018. Trong hạn mức, ngân hàng đã giải ngân ngày 10/10/2018 theo Giấy nhận nợ (là một phần không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng) cho ông Phương Văn T số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn trả nợ gốc là ngày 20/6/2019; theo hình thức chuyển vào tài khoản của ông T tại Ngân hàng số 2401205108974. Do vẫn có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên gia đình ông T tiếp tục đề nghị Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng. Ngày 19/03/2019, Ngân hàng đã tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598 với ông Phương Văn T và Phụ lục Hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2019 với nội dung chính như: Hạn mức cho vay: 1.500.000.000 đồng; Phương thức cho vay: Hạn mức tín dụng; Mục đích vay: Mua bán long nhãn các loại; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 19/03/2019 đến ngày 19/03/2020; Lãi suất, phí: Lãi suất trong hạn: 8% năm trên nợ gốc, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Vì thời điểm cấp hạn mức tín dụng mới ngày 19/3/2019, Giấy nhận nợ ngày 10/10/2018 của Hợp đồng tín dụng số 2401- LAV - 201702596, ngày 28/12/2017 vẫn còn dư nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng năm 2017 sang Hợp đồng tín dụng năm 2019 nêu trên, thể hiện tại khoản 2 Điều 12: "...Toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 2401- LAV - 201702596, ngày 28/12/2017 được mang sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng này". Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598, ngày 19/03/2019, Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho gia đình ông T số tiền 200.000.000 đồng; Phương thức chuyển vào tài khoản của ông T, với thời hạn trả nợ gốc là ngày 27/11/2019. (Giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng). Như vậy, tổng cộng Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho gia đình ông T 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 274+311; tờ bản đồ số 23, diện tích 532 m2 theo GCNQSDĐ số V 933867 do UBND huyện Tiên Lữ cấp ngày 26/06/2003 cho hộ

ông Phương Văn T; Địa chỉ tại thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 24102016/LP/HĐTC ngày 24/10/2016, số công chứng 3681, quyền 04, TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24/10/2016 tại Văn phòng công chứng B9 tỉnh Hưng Yên (thể hiện tại Điều 1 Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598, ngày 19/3/2019) và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hưng Yên ngày 25/10/2016 theo đúng quy định pháp luật.

Gia đình ông T vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết không thanh toán số nợ gốc và lãi đến hạn để phát sinh nợ quá hạn dài ngày. Sau nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông T, bà B đã trả số tiền 110.000.000đ nợ gốc. Tạm tính đến ngày 29/10/2021, ông T, bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.180.365.480đ. Trong đó nợ gốc là 890.000.000 đồng; nợ lãi là 290.365.480đ (lãi trong hạn là 206.646.301đ; lãi quá hạn là 78.359.863đ).

Trong quá trình giải quyết thu hồi nợ, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc với ông T, bà B để thỏa thuận về việc xử lý khoản nợ nhưng không thể thỏa thuận được. Việc ông T, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết với nội dung: Thứ nhất, buộc Phương Văn T và bà Nguyễn Thị B (P) thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/10/2021 với tổng số tiền là 1.180.365.480đ: Trong đó nợ gốc là 890.000.000 đồng; nợ lãi là 290.365.480 đồng (lãi trong hạn là 206.646.301đ; lãi quá hạn là 78.359.863đ) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/10/2021 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Thứ hai, trường hợp ông T và bà B (P) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp cho các khoản vay để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 274+311; tờ bản đồ số 23, diện tích 532 m2 theo GCNQSDĐ số V 933867 do UBND huyện Tiên Lữ cấp ngày 26/06/2003 cho hộ ông Phương Văn T. Địa chỉ tại thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Việc thế chấp được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 24102016/LP/HĐTC ngày 24/10/2016, số công chứng 3681, quyền 04, TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24/10/2016 tại Văn phòng công chứng B9 tỉnh Hưng Yên và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hưng Yên ngày 25/10/2016.

Bị đơn ông Phương Văn T trình bày: Do cần vốn kinh doanh nên ông T và bà B (P) đã vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thành phố Hưng Yên, với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng. Do trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là cấp cho “hộ ông Phương Văn T” nên khi làm thủ tục vay vốn, Ngân hàng yêu cầu các con của ông bà là Phương Văn H1, Phương Văn H2 và Phương Thị N ký vào hợp đồng thế chấp. Bản chất là ông T và bà B vay vốn của ngân hàng, không liên quan đến các con. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông. Tuy nhiên, do bà Lê Thị L, trước đây là cán bộ Ngân hàng nông

nghiệp đã có hành vi lừa dối vợ chồng ông, chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ và tiền lãi của quý IV năm 2019 với số tiền là 23.800.000 đồng nên ông, bà không tiến hành trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Việc Ngân hàng khởi kiện, gia đình ông T biết nhưng chưa giải quyết được với bà L nên ông bà chưa đến Tòa án làm việc và để thỏa thuận với ngân hàng. Ông T khẳng định tài sản thế chấp vay vốn là tài sản của vợ chồng ông T, bà B, ông bà chưa phân chia cho các con. Thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các con ông còn nhỏ, không có công sức đóng góp vào khối tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B (P) trình bày: Bà đồng ý với quan điểm của ông T, bà khẳng định ông, bà có vay vốn để kinh doanh tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh thành phố Hưng Yên. Anh H1, H2 và chị N (là con của bà B và ông T) đều biết việc Ngân hàng khởi kiện nhưng không liên quan nên đề nghị Tòa án không triệu tập lên làm việc. Tài sản thế chấp để vay vốn là tài sản của vợ chồng bà, không phải là tài sản của các con vì ông bà chưa phân chia cho các con. Anh Phương Văn H2 đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 01/2021, trước khi đi đã biết về việc Ngân hàng khởi kiện nhưng có quan điểm không liên quan đến việc vay vốn; tài sản thế chấp là tài sản của bố mẹ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phương Văn H1 trình bày: Anh không liên quan đến việc vay nợ của ông T, bà B tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh thành phố Hưng Yên. Tài sản thế chấp là tài sản của ông T và bà B, không liên quan đến các anh em trong gia đình. Chị em trong gia đình đều biết việc Ngân hàng khởi kiện và có quan điểm từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa án không triệu tập lên làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Phương Thị N trình bày: Không liên quan đến việc vay vốn của ông T, bà B tại Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh thành phố Hưng Yên. Tài sản thế chấp là của ông T, bà B nên từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập và giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Cục Xuất Nhập Cảnh - Bộ Công An cung cấp: Anh Phương Văn H2, sinh ngày 10/5/1997, xuất cảnh ngày 16/01/2021 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 471 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 7 Nghị quyết 03/2012/NQHĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Điều 317, 318 319, 320, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Buộc ông Phương Văn T và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác P) phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền còn nợ tạm tính đến hết ngày 29/10/2021 là 1.180.365.480đ. Trong đó, nợ gốc là 890.000.000 đ; nợ lãi là 290.365.480đ (lãi trong hạn là 206.646.301đ; lãi quá hạn là 78.359.863đ) và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 30/10/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201702596, ngày 28/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598 ngày 19/03/2019.

Trong trường hợp ông T và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 24102016/LP/HĐTC ngày 24/10/2016 giữa Ngân hàng và gia đình ông T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 274+311; tờ bản đồ số 23; diện tích 532 m² (trong đó có 252 m² đất ở và 280 m² đất Ao); địa chỉ tại thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Theo Giấy CNQSDĐ số V 933867 do Chủ tịch UBND huyện Tiên Lữ cấp ngày 26/06/2003. Trong trường hợp tài sản sau khi xử lý không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông T, bà B tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả nợ hết cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 11 tháng 11 năm 2021, bị đơn là ông Phương Văn T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét đến thiệt hại của gia đình ông do cán bộ Ngân hàng trực tiếp quản lý khoản tiền vay gây ra cho gia đình ông. Xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, ông Phương Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến thiệt hại của gia đình ông do cán bộ Ngân hàng trực tiếp quản lý khoản tiền vay gây ra cho gia đình ông; xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các quy định

của pháp luật, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nghe quan điểm trình bày của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bị đơn được cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phương Văn H1 và anh Phương Văn H2 vắng mặt lần thứ 3 tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Phương Văn T, thể hiện:

Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598 ngày 19/03/2019 (có nội dung chính như đã nêu ở phần nội dung). Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng phù hợp với các quy định của pháp luật. Về nội dung: Là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội; là loại hợp đồng song vụ có giá trị về mặt pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền 200.000.000, theo Giấy nhận nợ ngày 19/3/2019, với thời hạn trả nợ gốc là ngày 27/11/2019.

Trước khi ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng và ông T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201702596, có nội dung chính là: Ngân hàng cho ông T vay với hạn mức tín dụng 1.500.000.000 đồng; mục đích để kinh doanh; thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 28/12/2017 đến ngày 28/12/2018. Ngân hàng đã giải ngân vào Tài khoản số 2401205108974 của ông T tại Ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng, với hạn trả nợ gốc là ngày 20/06/2019, theo Giấy nhận nợ ngày 10/10/2018. Tuy nhiên, chưa đến thời hạn trả nợ gốc của khoản vay nêu trên, giữa ông T và Ngân hàng tiếp tục ký kết Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598 ngày 19/03/2019 nên tại khoản 2 Điều 12 của hợp đồng thể hiện nội dung: “Toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201702596, ngày 28/12/2017 được mang sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng này”.

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu do Ngân hàng xuất trình là 02 Hợp đồng tín dụng nên trên có cơ sở xác định Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho ông T 02 lần: Lần thứ nhất, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 10/10/2018 (Hợp đồng tín dụng 2401 - LAV - 201702596, ngày 28/12/2017), số tiền 800.000.000

đồng (BL 02); lần thứ hai, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 19/3/2019 (Hợp đồng tín dụng số 2401 - LAV - 201900598, ngày 19/03/2019), số tiền 200.000.000 đồng (BL 01). Tổng số tiền vay gốc, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng.

Quá trình xác minh làm rõ, vợ chồng ông Phương Văn T và bà Nguyễn Thị B đều xác định do cần vốn kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng đã vay vốn của Ngân hàng với số tiền 1.000.000.000 tỷ đồng, không liên quan đến các con là anh Phương Văn H1, Phương Văn H2 và chị Phương Thị N nên ông T và bà B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ do vi phạm Hợp đồng tín dụng.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp tài sản, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản số 24102016/LP/HĐTC ngày 24/10/2016, ký kết giữa Ngân hàng và gia đình ông Phương Văn T đã được Văn phòng công chứng B9 tỉnh Hưng Yên chứng nhận theo số công chứng 3681, quyển 04, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/10/2016 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hưng Yên ngày 25/10/2016. Tài sản thế chấp cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 274+311; tờ bản đồ số 23, diện tích 532 m² (trong đó có 252 m² đất ở và 280 m² đất Ao), địa chỉ tại xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên (nay là xã L, thành phố H), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V933867, số vào sổ 02138 QSDĐ/449B/2003/QĐ - UB do Chủ tịch UBND huyện Tiên Lữ cấp cho chủ hộ Phương Văn T, ngày 26/6/2003.

Xét thấy, việc thế chấp tài sản của ông T và bà B với Ngân hàng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, nội dung của Hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định pháp luật; có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hộ gia đình ông T (bao gồm ông T, bà B (P), chị N, anh H1 và H2, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên có giá trị pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Về nguồn gốc thửa đất thế chấp, UBND xã L cung cấp: Thửa đất thế chấp nêu trên có nguồn gốc là của bố, mẹ ông T tặng cho, kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận gia đình ông T sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liên kề.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ giải ngân cho ông T, bà B với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông T, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mới thanh toán được số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng, nên tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 29/10/2021, ông T và bà B phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.180.365.480đ. Trong đó, nợ gốc là 890.000.000đ; nợ lãi là 290.365.480đ (lãi trong hạn là 206.646.301đ; lãi quá hạn là 78.359.863đ) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 30/10/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp ông T và bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng sẽ đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm đã thế chấp cho các khoản vay theo Hợp đồng

thể chấp tài sản đã ký kết để thu hồi nợ cho ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Phương Văn T, Hội đồng xét xử nhận định:

Việc ông Phương Văn T trình bày: Do tin tưởng bà Lê Thị L là cán bộ tín dụng Ngân hàng trước đây trực tiếp làm các thủ tục giúp đỡ vay vốn nên ông đã đưa cho bà Lê Thị L 02 lần mỗi lần 200.000.000 đồng với tổng số tiền là 400.000.000 đồng trong số tiền nợ gốc ông đã vay được của Ngân hàng và nhờ bà L nộp hộ số tiền 23.800.000 đồng tiền lãi của quý IV/2019. Hội đồng xét xử thấy, đối với số tiền lãi ông T, bà B đưa cho bà L để nộp hộ lãi của quý IV/2019 cho Ngân hàng nhưng không có tài liệu chứng minh, thực tế khoản tiền lãi đó chưa được nộp vào Ngân hàng nên không có căn cứ xem xét để trừ vào tổng số nợ lãi. Việc ông T và bà B tin tưởng cho bà Lê Thị L mượn lại số tiền 400.000.000 đồng trong số tiền đã vay được của Ngân hàng là quan hệ dân sự giữa ông T, bà B và bà L đã được nhận định tại Bản án số 102/2019/HS-ST, ngày 07/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên nên ông T và bà B có quyền khởi kiện bà L trong vụ án dân sự khác nếu có đủ căn cứ theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ông Phương Văn T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Tuy kháng cáo của ông Phương Văn T không được chấp nhận, nhưng tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T đã 60 tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn cho ông Phương Văn T án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phương Văn T. Giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Miễn cho ông Phương Văn T án phí phúc thẩm dân sự. Hoàn trả ông Phương Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001060 ngày 11/11/2021 và Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001096 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- TAND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS thành phố Hưng Yên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HSVA, Lưu VP; Tòa Hành chính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Hưng